

THÔNG BÁO  
CÁC KHOẢN THÁNG 11 NĂM 2023

Căn cứ vào công văn số 5427/UBND -GDĐT ngày 22/09/2023 của Phòng GDĐT Quận 7 về việc thu , sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động GD năm học 2023 - 2024;

Trường Tiểu học Tân Hưng xin thông báo đến cha mẹ học sinh về các khoản thu như sau :

| STT                       | NỘI DUNG THU                                              | LỚP<br>1/1;1/2;1/4,1/5;<br>2/1;2/2;2/5;2/6;<br>BẢN TRÚ ( TOÁN KHOA) | Lớp 1/6 và 1/7<br>Lớp 2/3 và 2/4<br>BẢN TRÚ | Lớp 1/6 và 1/7<br>Lớp 2/3 và 2/4<br>không BT | Lớp 1/3 và<br>Lớp 2/7<br>( BẢN TRÚ ) | Lớp 1/3 và<br>Lớp 2/7<br>( không BT ) | LỚP 3/4<br>BẢN TRÚ<br>( TOÁN KHOA) | LỚP 3/4<br>(Không BT)<br>( TOÁN KHOA) | Lớp 3/1, 3/2,<br>3/3<br>( BẢN TRÚ ) | Lớp 3/1, 3/2,<br>3/3<br>( không BT ) | Lớp 3/5, 3/6,<br>3/7<br>( BẢN TRÚ ) | Lớp 3/5, 3/6,<br>3/7<br>( không BT ) |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| Các khoản thu thỏa thuận  |                                                           |                                                                     |                                             |                                              |                                      |                                       |                                    |                                       |                                     |                                      |                                     |                                      |
| 1                         | Tiếng Anh tăng cường tháng 11                             | 69.000                                                              | 69.000                                      | 69.000                                       | 69.000                               | 69.000                                |                                    |                                       |                                     |                                      |                                     |                                      |
| 2                         | AV với GV nước ngoài T11 (8 tiết/tháng)                   | 0                                                                   | 160.000                                     | 160.000                                      | 160.000                              | 160.000                               |                                    |                                       |                                     |                                      |                                     |                                      |
| 3                         | Chương trình TOÁN KHOA T 11                               | 500.000                                                             |                                             |                                              |                                      |                                       | 0                                  | 0                                     | 160.000                             | 160.000                              | 160.000                             | 160.000                              |
| 4                         | Tin học tháng 11                                          | 50.000                                                              | 50.000                                      | 50.000                                       | 50.000                               | 50.000                                | 500.000                            | 500.000                               |                                     |                                      |                                     |                                      |
| 5                         | Năng khiếu tháng 11                                       | 69.000                                                              | 69.000                                      | 69.000                                       | 69.000                               | 69.000                                | 25.000                             | 25.000                                | 25.000                              | 25.000                               | 25.000                              | 25.000                               |
| 6                         | Dạy GD Kỹ năng sống tháng 11                              | 80.000                                                              | 80.000                                      | 80.000                                       | 80.000                               | 80.000                                | 69.000                             | 69.000                                | 69.000                              | 69.000                               | 69.000                              | 69.000                               |
| 7                         | Giáo dục Steam tháng 11                                   | 90.000                                                              | 90.000                                      | 90.000                                       | 90.000                               | 90.000                                | 80.000                             | 80.000                                | 80.000                              | 80.000                               | 80.000                              | 80.000                               |
| 8                         | Tổ chức PV QL và vệ sinh BT tháng 11                      | 204.000                                                             | 204.000                                     |                                              | 204.000                              |                                       | 90.000                             | 90.000                                | 90.000                              | 90.000                               | 90.000                              | 90.000                               |
| Các khoản thu hộ - chi hộ |                                                           |                                                                     |                                             |                                              |                                      |                                       |                                    |                                       |                                     |                                      |                                     |                                      |
| 10                        | Tiền ăn trưa và ăn xế<br>( T 11 : 35,000đ/ngày x 21 ngày) | 735.000                                                             | 735.000                                     |                                              | 735.000                              |                                       | 204.000                            |                                       | 204.000                             |                                      | 204.000                             |                                      |
| 11                        | Tiền nước uống tháng 11                                   | 17.000                                                              | 17.000                                      | 17.000                                       | 17.000                               | 17.000                                |                                    |                                       | 735.000                             |                                      | 735.000                             |                                      |
| 12                        | Tiền điện tháng 11                                        | 28.000                                                              | 28.000                                      | 28.000                                       |                                      |                                       | 17.000                             | 17.000                                | 17.000                              | 17.000                               | 17.000                              | 17.000                               |
| 13                        | BHYT học sinh năm 2024                                    | 680.400                                                             | 680.400                                     | 680.400                                      | 680.400                              | 680.400                               | 28.000                             | 28.000                                |                                     |                                      | 28.000                              | 28.000                               |
| TỔNG CỘNG                 |                                                           | 2.522.400                                                           | 2.182.400                                   | 1.243.400                                    | 2.154.400                            | 1.215.400                             | 2.428.400                          | 1.489.400                             | 2.060.400                           | 1.121.400                            | 2.088.400                           | 1.149.400                            |

Kế toán

Nguyễn Thị Mai Phụng

Ngày 06 tháng 11 năm 2023



Trần Thị Lan Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7  
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN HƯNG  
Số : 18/TB-TiHTh

THÔNG BÁO  
CÁC KHOẢN THU THÁNG 11 NĂM 2023

Căn cứ vào công văn số 5427/UBND -GDDT ngày 22/09/2023 của Phòng GDDT Quận 7 về việc thu , sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động GD năm học 2023 - 2024;

Trường Tiểu học Tân Hưng xin thông báo đến cha mẹ học sinh về các khoản thu như sau :

| STT                              | NỘI DUNG THU                                              | Lớp 4/1; 4/2; 4/3,<br>4/4 và 4/5<br>BẢN TRÚ | Lớp 4/1; 4/2; 4/3,<br>4/4 và 4/5<br>(không BT) | Lớp<br>4/6, 4/7<br>BẢN TRÚ | Lớp<br>4/6, 4/7<br>(không BT) | Lớp 5/1; 5/2;<br>5/3,<br>BẢN TRÚ | Lớp 5/1; 5/2;<br>5/3,<br>(không BT) | Lớp 5/4; 5/5;<br>5/6, 5/7<br>BẢN TRÚ | Lớp 5/4; 5/5;<br>5/6, 5/7<br>(không BT) |
|----------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Các khoản thu thỏa thuận</b>  |                                                           |                                             |                                                |                            |                               |                                  |                                     |                                      |                                         |
| 1                                | Tổ chức học 2 buổi tháng 11                               |                                             |                                                |                            |                               |                                  |                                     |                                      |                                         |
| 2                                | Tiếng Anh tăng cường tháng 11                             |                                             |                                                |                            |                               | 80.000                           | 80.000                              | 80.000                               | 80.000                                  |
| 3                                | AV với GV nước ngoài T11 (8 tiết/tháng)                   | 160.000                                     | 160.000                                        | 160.000                    | 160.000                       | 69.000                           | 69.000                              | 69.000                               | 69.000                                  |
| 4                                | Tin học tháng 11                                          | 25.000                                      | 25.000                                         | 25.000                     | 25.000                        | 50.000                           | 50.000                              | 50.000                               | 50.000                                  |
| 5                                | Năng khiếu tháng 11                                       | 69.000                                      | 69.000                                         | 69.000                     | 69.000                        | 69.000                           | 69.000                              | 69.000                               | 69.000                                  |
| 6                                | Dạy GD Kỹ năng sống tháng 11                              | 80.000                                      | 80.000                                         | 80.000                     | 80.000                        | 80.000                           | 80.000                              | 80.000                               | 80.000                                  |
| 7                                | Giáo dục Steam tháng 11                                   | 90.000                                      | 90.000                                         | 90.000                     | 90.000                        | 90.000                           | 90.000                              | 90.000                               | 90.000                                  |
| 8                                | Tổ chức PV QL và vệ sinh BT tháng 11                      | 204.000                                     |                                                | 204.000                    |                               | 204.000                          |                                     | 204.000                              |                                         |
| <b>Các khoản thu hộ - chi hộ</b> |                                                           |                                             |                                                |                            |                               |                                  |                                     |                                      |                                         |
| 9                                | Tiền ăn trưa và ăn xế<br>( T 11 : 35,000đ/ngày x 21 ngày) | 735.000                                     |                                                | 735.000                    |                               | 735.000                          |                                     | 735.000                              |                                         |
| 10                               | Tiền nước uống tháng 11                                   | 17.000                                      | 17.000                                         | 17.000                     | 17.000                        | 17.000                           | 17.000                              | 17.000                               | 17.000                                  |
| 11                               | Tiền điện tháng 11                                        | 28.000                                      | 28.000                                         |                            |                               |                                  |                                     | 28.000                               | 28.000                                  |
| 12                               | BHYT học sinh năm 2024                                    | 680.400                                     | 680.400                                        | 680.400                    | 680.400                       | 680.400                          | 680.400                             | 680.400                              | 680.400                                 |
|                                  | <b>TỔNG CỘNG</b>                                          | <b>2.088.400</b>                            | <b>1.149.400</b>                               | <b>2.060.400</b>           | <b>1.121.400</b>              | <b>2.234.400</b>                 | <b>1.295.400</b>                    | <b>2.262.400</b>                     | <b>1.323.400</b>                        |

Kế toán

  
Nguyễn Thị Mai Phụng

Ngày 06 tháng 11 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Lan Hương